

Biểu phí dịch vụ áp dụng cho sản phẩm thẻ Tín dụng nội địa

STT	Tên phí	Phí (chưa gồm VAT)		
		Mức/Tỷ lệ phí	Tối thiểu	Tối đa
1	Phí phát hành (*)			
	Phát hành lần đầu			
	- Thẻ i-Zero	45.455 VND		
	- Thẻ doanh nghiệp	Miễn phí		
	Phát hành lại thẻ			
	- Thẻ i-Zero	45.455 VND		
	- Thẻ doanh nghiệp	100.000 VND		
2	Phát hành nhanh/phát hành lại	100.000 VND		
	Phí thường niên (*) (thu hàng năm với thẻ chính, phụ)			
	- Thẻ i-Zero	299.000 VND		

	- Thẻ doanh nghiệp	500.000 VND		
3	Rút tiền mặt (tại ATM/POS VietinBank, ATM NH khác)			
	- Thẻ i-Zero	5.00%	45.455 VND	
4	Dịch vụ xác nhận HMTD	54.545 VND		
5	Phạt chậm thanh toán (*) (tính trên số tiền thanh toán tối thiểu)			
	- Thẻ i-Zero			
	Nợ quá hạn dưới 30 ngày	3%	99.000 VND	
	Nợ quá hạn từ 30 đến dưới 60 ngày	4%	99.000 VND	
	Nợ quá hạn từ 60 đến dưới 90 ngày	6%	99.000 VND	
	Nợ quá hạn từ 90 ngày trở lên	4%	99.000 VND	
	- Thẻ doanh nghiệp	3.00%	90.000 VND	
6	Tra soát, khiếu nại (chỉ thu khi KH khiếu nại sai)			
	Giao dịch nội mạng	50.000 VND		

	Giao dịch ngoại mạng	100.000 VND		
7	Cấp lại sao kê hàng tháng	27.272 VND		
8	Cấp lại mã PIN tại quầy	10.000 VND		
9	Đóng thẻ tại iPay	50.000 VND		
	Đóng thẻ tại Quầy	50.000 VND		
10	Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch			
	ĐVCNT là đại lý của VietinBank	18.181 VND		
	ĐVCNT không là đại lý của VietinBank	272.727 VND		
11	Vấn tin và in sao kê GD thẻ tại ATM	Miễn phí		
12	Dịch vụ thông báo giao dịch bằng SMS			
	Đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
	Sử dụng dịch vụ	Miễn phí		
	Hủy đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
13	Phí quản lý giao dịch (áp dụng thẻ i-Zero, chỉ thu khi tại ngày	1,99%		

	<i>đến hạn thanh toán, chủ thẻ còn dư nợ. Tính trên số tiền dư nợ tại ngày đến hạn thanh toán)</i>			
14	Nâng Hạn mức thẻ tín dụng online (*); (**)	50.000 VND		

Áp dụng từ ngày 05/09/2022

(*) Không áp dụng VAT

(**) Áp dụng từ ngày 27/08/2023

Tệp đính kèm